

Bản án số: 271/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 11 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Văn Thị Ngọc A, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi sinh sống hiện tại: ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

- **Bị đơn:** Anh Lê Chí C, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Chị Văn Thị Ngọc A trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Ngọc A chung sống với anh C vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 22/12/2016. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh C thường đi nhậu 4 đến 5 ngày không về nhà và không quan tâm lo cho gia đình, kinh tế gia đình do một mình chị Ngọc A chăm lo và nuôi con, mâu thuẫn này còn kéo dài nhiều năm nay, gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng anh C vẫn không khắc phục được. Ngoài ra, anh C thường xuyên cầm cố tài sản, chị Ngọc A phải xuất tiền ra chuộc về. Nay chị Ngọc A xác định không thể tiếp tục chung sống, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn anh C.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thảo N sinh năm 2001 và Lê Gia H sinh năm 2008. Đối với cháu Thảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Gia H, chị Ngọc A yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Anh Lê Chí C trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Ngọc A trình bày là đúng. Anh thừa nhận có đi nhậu nhiều, thường xuyên và liên tục trong thời gian dài, có thời điểm ngủ nhà bạn vài ngày mới về nhà, anh C đã biết anh sai nhiều với chị Ngọc A tuy nhiên hiện tại tình cảm anh vẫn còn, anh muốn hàn gắn và mong chị Ngọc A cho anh cơ hội sửa sai và anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thảo N sinh năm 2001 và Lê Gia H sinh năm 2008. Đối với cháu Thảo N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Gia H, theo nguyện vọng của con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Ngọc A và anh C kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống chị Ngọc A và anh C đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu xung quanh vấn đề anh C thường xuyên đi nhậu, không chăm lo gia đình, chị Ngọc A yêu cầu ly hôn, anh C không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn được, anh C không làm tròn nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng đối với chị Ngọc A, trong suốt thời gian dài anh không quan tâm chăm lo gia đình. Hiện tại, chị Ngọc A xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cho thấy mâu thuẫn của anh chị quá lớn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên đề cho chị Ngọc A được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với Lê Thảo N đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Lê Gia H, tại phiên tòa chị Ngọc A và anh C đều thống nhất giao con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu H đang sống cùng với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu H sinh sống tại ấp T, xã T, huyện Đ cùng với anh C và đi học tại xã T, việc anh chị thỏa thuận giao con cho anh

C tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển của con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại của con chung và nhằm đảm bảo các điều kiện cho con phát triển tốt nhất. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Lê Gia H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngọc A và anh C đều xác định tự thỏa thuận phân tài sản chung và về nợ không có, không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Cho chị Văn Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Chí C.
2. Về con chung: Giao Lê Gia H, sinh ngày 28/11/2008 cho anh Lê Chí C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Văn Thị Ngọc A không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Văn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001931 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc